

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: NHỮNG CON VẬT BÉ YÊU

(Thời gian thực hiện 4 tuần từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

Mục tiêu của giáo viên		Nội dung	Hoạt động	Đ/c bổ sung
STT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra (thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu...) - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, vặn người sang 2 bên - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	- Hoạt động chơi – tập có chủ định. Thể dục sáng: ` Hô hấp: Thổi bóng - Tay: + Hai tay đưa về phía trước, đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. ` Lưng, bụng, lườn: + Quay người sang hai bên phải, trái. + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên. ` Chân: + Đứng nhún chân + Ngồi xuống đứng lên. - Tập thể dục theo nhạc bài “Con gà trống, chú voi con ở bản đôn, cá vàng bơi”	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động - Đi bước vào các ô	- Đi bước vào các ô	- Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Đi bước vào các ô TC: Con rùa	
3	- Trẻ thực hiện	- Tung bóng qua dây	- Hoạt động chơi –	

	phối hợp vận động tay - mắt: Tung bóng qua dây		tập có chủ định: - Tung bóng qua dây - bước lên xuống bậc cao 15cm. TC: Các chú chim sẻ	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò theo đường ngoằn ngoèo	- Bò theo đường ngoằn ngoèo	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Bò theo đường ngoằn ngoèo TC: Quả bóng nảy	
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Bật tại chỗ	- Bật tại chỗ	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Bật tại chỗ - Bò thẳng hướng theo đường hẹp TC: Chuồn chuồn bay	
6	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô, vẽ	- Hoạt động với đồ vật: + Nặn quả trứng + Di màu con chó + Xâu vòng các con vật + Xếp ao cá - Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời chơi với lá cây, hạt, rơm, len, bìa cát tông, nắp chai, bóng, câu cá,... ` Chơi ở các góc + Góc thao tác vai: Bế em, nấu, khuấy bột, tập cầm thìa đũa cho em ăn, bác sĩ thú y. + Góc HĐVDV: Tháo vụn nắp chai, xâu vòng, thả bóng, nhón hạt, sỏi, đóng cọc gỗ, tạt cài, cởi cúc, xâu luồn dây giày, cài cởi cúc, buộc dây + Góc vận động: trẻ	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.			

			chơi đá bóng, ném bóng, bò chui qua ống,...	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. + Giờ ăn: Dạy trẻ mời cô, mời bạn, rửa tay trước khi ăn, ăn hết xuất, không làm rơi vãi thức ăn. Trò chuyện về các món ăn hằng ngày, dạy trẻ biết ăn chín uống sôi, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể. Ăn xong lau mặt lau miệng, bỏ rác đúng nơi qui định. + Giờ ngủ: Rèn trẻ lấy và cất chăn gối gọn gàng, ngăn nắp, ngủ ngoan, không nói chuyện riêng. - Thực hành: Lấy và cất chăn gối đúng nơi qui định. Cất dọn đồ dùng, bỏ rác đúng nơi qui định	
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen 1 giấc ngủ trưa.		
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. + Giờ vệ sinh: - Dạy trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh.	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị	- Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định - Dạy trẻ mặc và cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt	

	vệ sinh...)	<p>uớt.</p> <p>+ Đi dép, đi vệ sinh</p> <p>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</p>	<p>- Dạy trẻ đi dép đúng chiều, lau mặt khi bị bẩn</p> <p>- Thực hành: Trẻ tự uống nước, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.</p>	
13	<p>- Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước...), nơi nguy hiểm (<i>giếng, ao, ruộng...</i>) và những con vật nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (<i>dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng...</i>) những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần những con vật nguy hiểm</p> <p>- <i>Kỹ năng phòng tránh một số con vật nguy hiểm</i></p>	<p>* Hoạt động chơi</p> <p>- Trò chuyện với trẻ trong giờ đón, trả trẻ:</p> <p>- Cho trẻ xem video về những tai nạn thường gặp với các vật dụng nguy hiểm và những nơi nguy hiểm ở trường học cũng như ở nhà.</p> <p>- Nhận biết và tránh xa con vật nguy hiểm như: con hổ, con gấu, con rắn,...</p> <p>- Thực hành kỹ năng: “Kỹ năng phòng tránh một số con vật nguy hiểm”</p>	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
15	<p>- Trẻ biết nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<p>- Nhìn, nghe con vật để nhận biết đặc điểm nổi bật.</p> <p>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</p> <p>- Tên, đặc điểm nổi bật của một số con vật, quen thuộc.</p>	<p>* Hoạt động chơi – tập có chủ định</p> <p>` NB: Con gà trống</p> <p>` NB: Con chó, con mèo</p> <p>` NB: Con voi, con hổ</p> <p>` NB: Con cá, con cua</p> <p>* Hoạt động chơi:</p> <p>- Đạo chơi ngoài trời:</p>	
20	<p>- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ</p>	<p>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc, gần gũi.</p>	<p>Quan sát: Con gà con, con chó,... Tắm nắng</p> <p>- Hoạt động chơi:</p>	

	vật, con vật quen thuộc.		+ Góc HĐVDV: Xâu các con vật nhựa quen thuộc, gắn gũ.	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
24	- Trẻ trả lời <i>1 số câu hỏi đơn giản</i> : “Con vật gì đây?”; “Đây là con gì”; “Con vật đang làm gì?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?...”).	- Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?; “...thế nào?; “Tại sao?”...	* Hoạt động chơi: (Đón và trả trẻ) - Cô trò chuyện với trẻ (Cho trẻ xem video về các con vật trong gia đình, các con vật trong rừng, các con vật dưới nước (VD: Con vật gì đây?; “Đây là con gì”...?)	
25	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: <i>Trả lời được 1 số câu hỏi đơn giản về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.</i>	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Lắng nghe người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gắn gũ trong tranh. - <i>Xem tranh ảnh, các di tích lịch sử văn hóa của dân tộc H'Mông.</i>	* Hoạt động chơi-tập có chủ định: ` Dạy trẻ kể truyện: “Quả trứng” * Hoạt động chơi: - Góc NT: Xem sách, chuyện về các con vật là nhân vật trong truyện tranh và kể chuyện theo tranh về các con vật cho trẻ nghe trong giờ ôn buổi chiều.	
26	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	* Hoạt động chơi-tập có chủ định: ` Dạy trẻ đọc thơ: Con trâu, con voi, con cá vàng. ` Nghe các bài đồng dao, vè về các con vật: Con vỏi con voi, con mèo trèo cây cau	
27	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ. ngắn có câu 3-4 tiếng		
28	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong	* Hoạt động chơi: - Giờ đón, trả trẻ: Dạy trẻ quan tâm, yêu thương, chăm	

	chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	giao tiếp.	sóc những con vật gần gũi có ích, trả lời câu hỏi của cô đủ nghe, rõ ràng, lễ phép.	
30	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	Dạy trẻ từ tiếng việt: Con chó, con mèo * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Dạy trẻ xin phép cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh, uống nước,... biết mời cô mời các bạn khi ăn cơm...	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
33	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. Nói được 1 số từ tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ	- Hoạt giao lưu cảm xúc. Giờ đón, trả trẻ: + Trò chuyện với trẻ về những con vật trẻ thích và không thích. + Trò chuyện về các con vật hiền lành và hung dữ. + Thực hành: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. + Bắt chước tiếng kêu, gọi của một số con vật gần gũi, quen thuộc.	
36	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.		
37	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc ` Dạy trẻ giao lưu cảm xúc, chào hỏi, tạm biệt trong giờ đón, trả trẻ.	
38	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bé	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	* Hoạt động chơi ` Hoạt động góc: Dạy trẻ chơi đoàn kết, không tranh giành đồ chơi với bạn, nhường bạn khi chơi, không cào cấu bạn, biết cảm	

	em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)		ơn, xin lỗi khi chơi góc thao tác vai (Bé em, cho em ăn, nấu ăn, khuấy bột, bán hàng, nghe điện thoại...)	
41	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau về địa phương như: Ính lá ơi, xòe hoa..., nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động Chơi - tập có chủ định: ` DH: Con gà trống ` VĐTN: Con gà trống ` NH: Một con vịt; Chú voi con ở bản đôn - Biểu diễn văn nghệ * Hoạt động chơi ` Trò chơi âm nhạc: Ai nhanh hơn; Nhỏ và to ` Góc nghệ thuật: Chơi với các dụng cụ âm nhạc: Phách tre, xắc xô, trống, mõ,... - Dạy trẻ hát dân ca bài: Cò lả, Bắc kim thang	
42	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xâu, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xâu, vò, xếp hình. - Xem tranh.	* Hoạt động chơi tập có chủ định + Hoạt động với đồ vật: ` Nặn quả trứng ` Di màu con chó ` Xâu vòng các con vật ` Xếp ao cá * Hoạt động chơi ` Góc nghệ thuật: - Xem tranh ảnh về các con vật quen thuộc, gắn gũi ở địa phương,... - Nặn: Nặn các con vật theo ý thích.	

II. CHUẨN BỊ

- Một số tờ giấy khổ to, bia lịch, báo vở hộp các tông, lá cây, rơm, hạt, vụn. Các tranh ảnh giới thiệu về động vật, cách chăm sóc con vật nuôi
- Mũ các con vật, đồ chơi các con vật, bút chì, bút sáp, màu, đất nặn, giấy, keo
- Các truyện tranh về động vật
- Lựa chọn một số trò chơi, bài hát, câu truyện về “Động vật sống trong gia đình, sống trong rừng, sống dưới nước”
- Ghi âm (nếu có điều kiện) hoặc sưu tầm băng đĩa có ghi một số âm thanh môi trường xung quanh (tiếng chó, mèo, ngựa hí,...) các câu chuyện kể, câu đố, bài hát về động vật sống trong gia đình, sống trong rừng, sống dưới nước

III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Cô cùng trẻ trang trí lớp, treo các tranh ảnh về các con vật: Nuôi trong gia đình, sống trong rừng, dưới nước. Tạo môi trường học tập phong phú thể hiện rõ chủ đề: “Những con vật bé yêu”

- Cùng nhau trò chuyện trao đổi thảo luận về các bức tranh đó, cách chăm sóc và bảo vệ các con vật đó. Trò chuyện với trẻ về các con vật nuôi ở gia đình trẻ,...

- + Bức tranh vẽ những con vật gì?
- + Chúng đang làm gì? Thức ăn của chúng là gì?
- + Nhà con nuôi những con vật gì?
- + Ngoài ra con còn biết những con gì khác nữa?

- Thông báo với phụ huynh về chủ đề mới và yêu cầu phụ huynh và trẻ thu lượm các nguyên vật liệu, đồ dùng phế thải để cô và trẻ cùng nhau làm đồ dùng đồ chơi phục vụ chủ đề mới.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Duyệt)

TỔ TRƯỞNG

(Duyệt)

NGƯỜI XÂY DỰNG

KẾ HOẠCH

Đinh Thị Hồng

Trần Thị Nguyệt Nga

Hoàng Thị Hiền